

Bản án số: 168/2021/HNGĐ-ST

Ngày 21-12-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Chi

Ông Đỗ Biên Ải

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021, về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 342/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Thu T, sinh năm 1994; cư trú tại: Ấp A, xã LB, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1988; cư trú tại: Ấp TLB, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Huỳnh Thị Thu T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh T chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau, hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do anh T không còn thương yêu chị như trước, có quan hệ bên ngoài không rõ ràng, anh T nhiều lần yêu cầu hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng sau một thời gian anh T vẫn không thay đổi. Chị yêu cầu ly hôn anh T.

- Về con chung: Anh chị có 01 người con chung Nguyễn Hạ V, sinh ngày 13/11/2012, hiện đang sống chung với anh T. Khi ly hôn, chị đồng ý giao con cho anh T nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Không có.

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến giải trình liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Huỳnh Thị Thu T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Đức T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh T chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TD, hôn nhân tự nguyện theo đúng quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Theo chị T xác định nguyên nhân mâu thuẫn do anh T không còn thương yêu chị, có quan hệ bên ngoài không rõ ràng, anh T nhiều lần yêu cầu hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng sau một thời gian anh T vẫn không thay đổi, chị T cương quyết ly hôn anh T. Đối với anh T vào ngày 30/6/2021 anh có gửi đơn yêu cầu Tòa án hoãn phiên hòa giải vào ngày 30/6/2021 để anh có điều kiện trực tiếp tham gia hòa giải nhằm mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng sau đó Tòa án đã triệu tập anh tham gia giải quyết vụ án nhưng anh vẫn vắng mặt. Xét mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đó đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị T được ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Xét thấy, từ khi cháu V sinh ra đến nay sống chung với bên nội, hiện tại cháu đang học lớp 4 tại trường tiểu học TD, cuộc sống của cháu đã ổn định. Theo biên bản ghi nguyện vọng của cháu V ngày 03/12/2021, cháu có nguyện vọng sống chung với anh T. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu V cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về nợ: Chị T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Huỳnh Thị Thu T, cho chị Huỳnh Thị Thu T được ly hôn anh Nguyễn Đức T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hạ V, sinh ngày 13/11/2011 cho anh Nguyễn Đức T nuôi dưỡng.

Chị Huỳnh Thị Thu T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Thu T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0012195 ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Huỳnh Thị Thu T và anh Nguyễn Đức T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- UBND xã TD;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng